

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến  
quặng vàng, arsen chứa thiếc -vàng trên địa bàn tỉnh Hà Giang  
giai đoạn 2010 - 2015, có xét đến năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG  
KHOÁ XV - KỲ HỌP 15**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số: 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số: 07/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số: 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;:

Căn cứ Quyết định số: 11/2008/QĐ-BCT ngày 05 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công thương phê duyệt quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng vàng, đồng, niken, molipden Việt Nam đến năm 2015, có xét đến năm 2025;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 70/TTr-UBND, ngày 06 tháng 7 năm 2010 của UBND tỉnh Hà Giang về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến quặng vàng, arsen chứa thiếc – vàng trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn năm 2015, có xét đến năm 2025;

Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang đã thảo luận và nhất trí,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến quặng vàng, arsen chứa thiếc-vàng trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2010 - 2015, có xét đến năm 2025 với nội dung chính như sau:

**1. Quan điểm quy hoạch:**

a. Khoáng sản vàng, arsen chứa thiếc - vàng phải được thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng một cách hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, đảm bảo an toàn

*CA*

môi trường, an sinh xã hội, đảm bảo an ninh - trật tự xã hội trên địa bàn có khoáng sản.

b. Quy hoạch vàng, arsen chứa thiếc- vàng để phục vụ cho việc thăm dò, khai thác, chế biến là để lập lại trật tự trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật; đảm bảo lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân trong vùng có khoáng sản.

c. Xây dựng và phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản với công nghệ hiện đại, tận thu tối đa khoáng sản đi kèm, đảm bảo hiệu quả kinh tế cao nhất.

## **2. Mục tiêu Quy hoạch:**

a. Việc lập và thông qua Quy hoạch để thống nhất thực hiện quản lý Nhà nước về khoáng sản vàng, arsen chứa thiếc - vàng trên địa bàn toàn tỉnh; đáp ứng nhu cầu đầu tư của các tổ chức và cá nhân, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong tỉnh.

b. Chuẩn bị đầy đủ cơ sở tài liệu về trữ lượng, chất lượng, điều kiện khai thác, chế biến, tuyển luyện khoáng sản vàng, thiếc, arsen.

c. Xác định các vùng cần điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác, chế biến, tuyển luyện đúng quy định và tiêu chuẩn của Nhà nước.

## **3. Đối tượng và phạm vi Quy hoạch:**

a. Đối tượng quy hoạch:

Đối tượng quy hoạch là các mỏ, điểm mỏ khoáng sản bao gồm vàng, arsen chứa thiếc – vàng trên địa bàn tỉnh Hà Giang đã và đang được đánh giá tài nguyên khoáng sản thuộc diện quản lý của cấp quốc gia và của tỉnh; các mỏ, điểm mỏ mới được phát hiện hoặc đã được Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao cho tỉnh quản lý và dự kiến đưa vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch của tỉnh.

b. Phạm vi quy hoạch:

Các nội dung quy hoạch được lập cho giai đoạn 2010 - 2015, có xét đến năm 2025 trên các lĩnh vực thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng trên địa bàn toàn tỉnh Hà Giang đối với khoáng sản vàng, arsen chứa thiếc - vàng.

## **4. Nội dung quy hoạch:**

### **4.1. Cơ sở lập quy hoạch**

Kết quả tổng hợp các tài liệu địa chất đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao cho tỉnh, tài liệu khảo sát thực địa năm 2009 và các điểm mỏ do nhân dân phát hiện thì trên địa bàn tỉnh Hà Giang có 75 mỏ có mức nghiên cứu như sau:

- Có 4 điểm quặng vàng sa khoáng là Suối Bông, Thác Lan, Làng Cào, Thôn Kim (Đội 8) thuộc khu Tiên Kiều đã được tìm kiếm đánh giá trữ lượng vàng cấp C<sub>2</sub> +P<sub>1</sub> là 572,1 kg, C<sub>2</sub> là 441,8 kg (Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 170 QĐ/KT ngày 23 tháng 11 năm 1992 của Cục trưởng Cục địa chất Việt Nam), đủ điều kiện để tỉnh cấp phép khai thác, chế biến theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 56 Luật Khoáng sản nếu không liên quan đến các quy hoạch khác.

- Có 39 điểm quặng vàng, arsen chứa thiếc-vàng đã được phát hiện trong quá trình đo vẽ địa chất khoáng sản và phát hiện trong quá trình khảo sát lập quy hoạch

đã xác định được diện phân bố và hàm lượng các thân khoáng. Đây là những điểm mỏ đủ điều kiện đưa vào quy hoạch thăm dò, khai thác.

- Có 32 điểm quặng vàng do nhân dân mới phát hiện trong thời gian gần đây, các điểm này xếp vào các điểm tiềm năng.

#### **4.2. Quy hoạch thăm dò:** (Có Danh mục chi tiết các mỏ, điểm mỏ kèm theo)

##### **4.2.1. Mục tiêu, nhiệm vụ công tác thăm dò**

*Mục tiêu thăm dò:* Xác định chất lượng, trữ lượng quặng vàng và nghiên cứu điều kiện khai thác mỏ để có cơ sở lập luận chứng khai thác.

*Nhiệm vụ thăm dò gồm:*

- Xác định chính xác cấu trúc mỏ và cấu trúc thân quặng.
- Nghiên cứu địa chất thủy văn, địa chất công trình liên quan đến điều kiện khai thác mỏ.
- Nghiên cứu thành phần vật chất và chất lượng quặng.

##### **4.2.2. Phân kỳ quy hoạch thăm dò**

Theo kết quả tổng hợp đến thời điểm hiện tại trên địa bàn tỉnh có 75 điểm quặng vàng, arsen chứa thiếc-vàng. Việc thăm dò cần phải được tiến hành trước một bước nhằm tạo cơ sở cho việc lập dự án đầu tư xây dựng ngành công nghiệp khai thác, chế biến theo hướng công nghệ tiên tiến và bền vững.

Theo “*Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng vàng, đồng, niken, molipden Việt Nam đến năm 2015, có xét đến năm 2025*” đã được phê duyệt tại Quyết định số: 11/2008/QĐ-BCT ngày 5 tháng 6 năm 2008 gồm 3 giai đoạn: 2010-2015, 2015-2020 và 2020-2025. Để có cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng ngành công nghiệp khai thác, chế biến cả tỉnh, dự kiến Quy hoạch công tác thăm dò tiến hành trong giai đoạn 2010 - 2015 tập trung vào thăm dò 3 đới vàng có triển vọng: Sông Lô, Sông Con, Ngòi Sào là những nơi có tiền đề, dấu hiệu có khả năng phát hiện mỏ có qui mô lớn.

#### **4.3. Quy hoạch khai thác:** (Có Danh mục chi tiết các mỏ, điểm mỏ kèm theo)

Để việc khai thác khoáng sản trở thành động lực thúc đẩy chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong các giai đoạn, phù hợp với Luật Khoáng sản và pháp Luật liên quan, ít gây xáo động đến khu dân cư, đất nông nghiệp ... Việc ưu tiên, lựa chọn các mỏ, điểm mỏ quặng vàng, arsen chứa thiếc - vàng huy động vào khai thác được xác định theo các giai đoạn cụ thể như sau:

##### **4.3.1. Quy hoạch khai thác giai đoạn 2010-2015.**

- Các mỏ và điểm mỏ vàng, arsen chứa thiếc- vàng đã giao được giao cho các doanh nghiệp quản lý và bảo vệ, đã được điều tra địa chất và có trữ lượng xác định.
- Các mỏ và điểm quặng có liên quan đến các khu vực dự kiến làm lòng hồ hoặc liên quan đến thủy điện.
- Các mỏ và điểm quặng vàng gốc ít chiếm dụng đất khu dân cư, đất nông nghiệp và không có liên quan đến đường điện cao thế, đường giao thông.

##### **4.3.2. Quy hoạch khai thác giai đoạn 2015-2020.**

- Các mỏ và điểm mỏ vàng arsen chứa thiếc- vàng nằm trong khu vực đất rừng

đất bồi tích lòng sông, lòng suối không ảnh hưởng đến đất nông nghiệp đất thổ cư và các hộ gia đình sinh sống trong khu vực.

- Đã có tài liệu thăm dò, xác định trữ lượng chắc chắn để huy động vào khai thác.

#### **4.3.3. Quy hoạch khai thác giai đoạn 2020-2025.**

- Tiến hành khai thác các mỏ và điểm mỏ nằm trong khu vực đất nông nghiệp, đất thổ cư.

- Đã có tài liệu xác định chất lượng trữ lượng chắc chắn để đưa vào huy động khai thác.

#### **4.3.4. Phương pháp khai thác.**

- Đối với các mỏ sa khoáng (sông Lô, Sông Nhiệm, suối Bán Tại...) chọn phương pháp khai thác bằng tàu cuốc kết hợp tận thu cát, sỏi phục vụ xây dựng;

- Đối với các mỏ sa khoáng trong các thung lũng chọn phương pháp khai thác lộ thiên dạng quán chiếu nhằm nhanh chóng trả lại đất sản xuất. Cụ thể trước khi khai thác cần gom toàn bộ đất màu tập trung lại để sau khi khai thác dùng chính đất này phủ lên trên, trả lại đất màu cho sản xuất.

- Đối với các mỏ vàng gốc tuy vào độ sâu tồn tại quặng và tính toán lượng đất bóc để quyết định khai thác lộ thiên hoặc khai thác hầm lò.

#### **4.3.5. Công nghệ khai thác.**

- Công nghệ khai thác phải phù hợp với loại hình mỏ và đảm bảo tiết kiệm và tận thu tối đa tài nguyên khoáng sản.

- Công nghệ khai thác phải giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường, cụ thể phải chuẩn bị bãi thải và bể lắng không để chất thải, nước thải (nước đục) phát tán ra môi trường, không tạo các ụ, cồn cát lớn ảnh hưởng dòng chảy, không sử dụng hoá chất.

### **4.4. Quy hoạch chế biến quặng vàng: (Có biểu chi tiết kèm theo)**

#### **4.4.1. Cơ sở quy hoạch khu chế biến.**

Trên cơ sở quy hoạch các cụm công nghiệp của tỉnh đã được phê duyệt, quy hoạch chế biến quặng vàng và arsen chứa thiếc- vàng sẽ được tập trung vào các khu, cụm công nghiệp để tuyển luyện nhằm quản lý và xử lý vấn đề ô nhiễm môi trường, cũng như đảm bảo an ninh trật tự. Dựa vào khu vực phân bố các mỏ và điểm mỏ vàng, arsen chứa thiếc- vàng, quy hoạch lựa chọn các điểm chế biến như sau:

a. Tại khu công nghiệp Bình Vàng: Tập trung tuyển, luyện đối với các mỏ và điểm mỏ vàng nằm trong đới vàng arsen chứa thiếc vàng Sông Lô, đới vàng Ngòi Sáo sau khi khai thác.

b. Tại cụm công nghiệp Nam Quang: Tập trung tuyển, luyện đối với các mỏ và điểm mỏ vàng nằm trong đới vàng Sông Con (không bao gồm các mỏ thuộc khu vực Quang Bình) huyện Bắc Quang sau khi khai thác.

c. Tại cụm công nghiệp Yên Bình: Tập trung tuyển, luyện đối với các mỏ và điểm mỏ vàng nằm trong khu vực huyện Quang Bình sau khi khai thác.

d. Tại cụm công nghiệp Mậu Duệ: Tập trung tuyển, luyện đối với các mỏ, điểm mỏ vàng nằm trong khu vực huyện Mèo Vạc, huyện Yên Minh sau khi khai thác.

e. Tại cụm công nghiệp Yên Định: Tập trung tuyển luyện đối với các mỏ và điểm mỏ vàng nằm trong khu vực huyện Bắc Mê sau khi khai thác.

**4.4.2. Kinh phí bảo đảm:**

- Kinh phí lập quy hoạch: Ngân sách địa phương.
- Kinh phí thăm dò, khai thác, chế biến: Doanh nghiệp đầu tư.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13/7/2010.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện theo đúng qui định hiện hành của Luật Khoáng sản; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản và các Nghị định có liên quan của Chính phủ.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XV- Kỳ họp thứ 15 thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XII;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND khóa XV;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Chuyên viên HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**  
  
**Nguyễn Viết Xuân**

**Phụ lục 01:**

**DANH MỤC**

**Các mỏ, điểm mỏ vàng, arsen chứa thiếc - vàng trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

(Kèm theo Nghị quyết số: *17* /NQ-HĐND ngày 13/7/2010 của HĐND tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên điểm quặng	Xã, huyện	Mức độ nghiên cứu	Hàm lượng (Au)	Trữ lượng và tài nguyên	Ghi chú
<b>ĐỐI VÀNG SÔNG CON</b>						
1	Vàng sa khoáng Yên Bình	Xã Yên Bình, huyện Quang Bình	Liên đoàn I tìm kiếm sơ bộ năm 1992	Hàm lượng nghèo đến 1,6mg/mẫu		
2	Vàng sa khoáng Nậm Tay	Xã Yên Bình, huyện Quang Bình	Liên đoàn I tìm kiếm sơ bộ năm 1992	Hàm lượng nghèo đến 1,6mg/mẫu		
3	Vàng gốc, vàng sa khoáng Thôn Khun	Xã Bằng Lang, huyện Quang Bình	Liên đoàn I tìm kiếm sơ bộ năm 1992	1,6 mg/mẫu		
4	Vàng gốc Thôn Nghè - Sơn Đông	Xã Hương Sơn, huyện Quang Bình	Nhân dân phát hiện			
5	Vàng gốc Hồng Thái	Xã Việt Hồng, huyện Bắc Quang	Nhân dân phát hiện			
6	Vàng gốc Ngòi Kim	Xã Tiên Kiều, huyện Bắc Quang	Đoàn 202 tìm kiếm chi tiết hoá 1: 10.000	0,1-0,15g/tấn		
7	Vàng gốc Thượng Cầu	Xã Tiên Kiều, huyện Bắc Quang	Đoàn 202 tìm kiếm chi tiết hoá 1:10.000	0,1-10g/tấn	P <sub>2</sub> = 619kg	
8	Vàng sa khoáng Suối Bông	Xã Tiên Kiều, huyện Bắc Quang	Tìm kiếm đánh giá	0,62g/m <sup>3</sup>	P <sub>1</sub> = 5,5kg	
9	Vàng sa khoáng Thôn Chàng	Xã Tiên Kiều, huyện Bắc Quang	LĐĐC Đông Bắc khảo sát năm 2009	1-77 hạt/20dm <sup>3</sup>		
10	Vàng sa khoáng Bản Kun	Xã Xuân Giang, huyện Quang Bình	Liên đoàn I tìm kiếm sơ bộ năm 1992	Hàm lượng nghèo đến 1,6mg/mẫu		
11	Vàng Sa khoáng Thượng Cầu	Xã Tiên Kiều, huyện Bắc Quang	LĐĐC Đông Bắc khảo sát năm 2009	1-5 vảy/20dm <sup>3</sup>		
12	Vàng sa khoáng Đá Bàn	Xã Hùng An, huyện Bắc Quang	Đoàn 202 tìm kiếm tỉ lệ 1:10.000	1-30 hạt/10dm <sup>3</sup>	P <sub>2</sub> = 492kg	
13	Vàng gốc Làng Bút	Xã Tiên Kiều, huyện Bắc Quang	Đoàn 202 tìm kiếm chi tiết hoá 1:10.000	3-5,5g/tấn		
14	Vàng gốc Thác Lan	Xã Tiên Kiều, huyện Bắc Quang	LĐĐC Đông Bắc khảo sát năm 2009	0,89g/tấn		
15	Vàng sa khoáng Thác Lan	Xã Tiên Kiều, huyện Bắc Quang	Tìm kiếm đánh giá	0,71-0,93g/m <sup>3</sup>	P <sub>1</sub> =26,4 kg	

*cc*

Số TT	Tên điểm quặng	Xã, huyện	Mức độ nghiên cứu	Hàm lượng (Au)	Trữ lượng và tài nguyên	Ghi chú
16	Vàng sa khoáng Làng Cào	Xã Tiên Kiều, huyện Bắc Quang	Tìm kiếm đánh giá	0,2-0,41g/m <sup>3</sup>	C <sub>2</sub> = 316,9 kg; P <sub>1</sub> = 66 kg	
17	Vàng sa khoáng Thôn Kim (Đội 8)	Xã Tiên Kiều, huyện Bắc Quang	Tìm kiếm đánh giá	0,83g/m <sup>3</sup>	C <sub>2</sub> = 124,9 kg; P <sub>1</sub> = 32,4 kg	
18	Vàng sa khoáng Vĩnh Tuy	Thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang	Đoàn 202 tìm kiếm sơ bộ	20 hạt/10dm <sup>3</sup>		
19	Vàng sa khoáng Ba Luồng, Vĩnh Sơn, Vĩnh Chính	Xã Vĩnh Hào, huyện Bắc Quang	Nhân dân phát hiện			
20	Vàng gốc đỉnh cao 565 (Làng Búa)	xã Đồng Yên, huyện Bắc Quang	Đoàn 202 khảo sát sơ bộ	2g/tấn		
21	Vàng sa khoáng Thôn Thượng	Xã Vi Thượng, huyện Quang Bình	Nhân dân phát hiện			
22	Vàng sa khoáng Làng Búa	xã Đồng Yên, huyện Bắc Quang	Đoàn 207 tìm kiếm			
<b>ĐỐI VÀNG, ARSEN CHỨA THIẾC VÀNG SÔNG LÔ</b>						
23	Arsen-thiếc-vàng Làng Lúp	Xã Phương Thiện, thị xã Hà Giang	Điều tra 1:50.000	As= 0,42-2,86%, Sn=0,02-0,16%, Au=0,1g/t		
24	Arsen-thiếc-vàng Làng Mè	Xã Phương Thiện, thị xã Hà Giang	Điều tra 1:50.000	As= 0,42-2,86%, Sn=0,02-0,16%, Au=0,1g/t		
25	Arsen-thiếc-vàng Lan Hùng	Xã Phương Thiện, thị xã Hà Giang	Điều tra 1:50.000	As= 0,42-2,86%, Sn=0,02-0,16%, Au=0,1g/t		
26	Arsen-thiếc-vàng Cao Bồ	Xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên	Điều tra 1:50.000	As= 0,6-7,3%, Sn=0,05-0,27%, Au=0,1g/t		
27	Arsen-thiếc-vàng Làng Má	Xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên	Điều tra 1:50.000	As= 2,53%, Sn=0,02%, Au=0,1 g/t		
28	Vàng sa khoáng Bình Vàng, dọc thung lũng Sông Lô	Xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên	Đoàn 202 khảo sát sơ bộ	0,35-0,75g/m <sup>3</sup>		
29	Vàng sa khoáng Linh Hồ	Xã Linh Hồ, huyện Vị Xuyên	LĐĐC Đông Bắc khảo sát năm 2009	4-49 vẩy/20dm <sup>3</sup>		
30	Vàng gốc Linh Hồ	Xã Linh Hồ, huyện Vị Xuyên	LĐĐC Đông Bắc khảo sát năm 2009	0,32-2,34 g/tấn		

*Ch*

Số TT	Tên điểm quặng	Xã, huyện	Mức độ nghiên cứu	Hàm lượng (Au)	Trữ lượng và tài nguyên	Ghi chú
31	Arsen-thiếc-vàng Việt Lâm	Xã Việt Lâm, huyện Vị Xuyên	Điều tra 1:50.000	As= 2,53-7,1%, Sn=0,02% Au=0,1g/t		
32	Arsen-thiếc-vàng Nậm Khi	xã Quảng Ngần, huyện Vị Xuyên	Điều tra 1:50.000	As= 0,6-7,3%, Sn=0,05-0,27%, Au=0,1g/t		
33	Vàng sa khoáng km 17 đến km 25	TT Việt Lâm, xã Ngọc Linh, TT Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên	Nhân dân phát hiện	0,35-0,75g/m <sup>3</sup> (lấy theo sa khoáng Bình Vàng)		
34	Arsen-thiếc-vàng Làng Xúm	Xã Việt Lâm, huyện Vị Xuyên	Điều tra 1:50.000	As= 0,6-7,3%, Sn=0,05-0,27%, Au=0,1g/t		
35	Vàng sa khoáng Thôn Toòng	Xã Ngọc Minh, huyện Vị Xuyên	Nhân dân phát hiện			
36	Vàng sa khoáng Minh Thành	Xã Bạch Ngọc, huyện Vị Xuyên	Nhân dân phát hiện			
37	Vàng sa khoáng Bàn Kông	xã Trung Thành, huyện Vị Xuyên	LĐĐC Đông Bắc khảo sát năm 2009	2-5 vảy/20dm <sup>3</sup>		
38	Vàng gốc Bàn Kông	xã Trung Thành, huyện Vị Xuyên	Tìm kiếm 1: 25000	0,1-3g/tấn		
39	Vàng sa khoáng Cốc Héc	xã Trung Thành, huyện Vị Xuyên	LĐĐC Đông Bắc khảo sát năm 2009	1-2 hạt/10dm <sup>3</sup>		
40	Vàng gốc Cốc Héc	xã Trung Thành, huyện Vị Xuyên	LĐĐC Đông Bắc khảo sát năm 2009	1-3 hạt/18kg		
41	Vàng sa khoáng Khuổi Do	Xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang	Đoàn 202 khảo sát sơ bộ	1-30 hạt/10dm <sup>3</sup>		
42	Vàng gốc Thôn Lâm	Xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang	Nhân dân phát hiện			
43	Vàng gốc Thôn Pha	Xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang	Nhân dân phát hiện			
44	Vàng sa khoáng Nậm Nhùng (Tắc Sinh)	xã Ngọc Linh, huyện Vị Xuyên	Nhân dân phát hiện			
45	Vàng sa khoáng Khuổi Dấp	xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang	LĐĐC Đông Bắc khảo sát năm 2009	1-7 vảy/20dm <sup>3</sup>		
46	Vàng sa khoáng thôn Trung, thôn Khuổi Lý (khu suối sáo)	Xã Thượng Bình, huyện Bắc Quang	LĐĐC Đông Bắc khảo sát năm 2009	1-8 vảy/20dm <sup>3</sup>		



Số TT	Tên điểm quặng	Xã, huyện	Mức độ nghiên cứu	Hàm lượng (Au)	Trữ lượng và tài nguyên	Ghi chú
47	Vàng sa khoáng Bắc Quang	TT Bắc Quang cũ, xã Tân Quang, huyện Bắc Quang	Điều tra 1:50.000	3-10 hạt/10dm <sup>3</sup>		
48	Vàng gốc Bắc Quang	Xã Việt Vinh, huyện Bắc Quang	Điều tra 1:50.000	0,1-1,17g/tấn		
49	Vàng sa khoáng Làng Chang	Xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang	Điều tra 1:50.000	2-47 hạt/10dm <sup>3</sup>		
<b>ĐỐI VÀNG NGỒI SẢO</b>						
50	Vàng sa khoáng thôn Luông	Xã Bằng Hành, huyện Bắc Quang	LĐĐC Đông Bắc khảo sát năm 2009	3-14 vảy/20dm <sup>3</sup>		
51	Vàng sa khoáng Tân Thành	Xã Bằng Hành, huyện Bắc Quang	Nhân dân phát hiện			
52	Vàng sa khoáng Minh Tường	Xã Kim Ngọc, huyện Bắc Quang	LĐĐC Đông Bắc khảo sát năm 2009	2-8 vảy/20dm <sup>3</sup>		
53	Vàng gốc Minh Tường	Xã Quang Minh, huyện Bắc Quang	Nhân dân phát hiện			
54	Vàng sa khoáng Thôn Kim Điều (phía bắc ngôi Sảo)	xã Bằng Hành, xã Kim Ngọc, huyện Bắc Quang	Đoàn 202 tìm kiếm chi tiết	12-24 hạt/m <sup>3</sup>	P <sub>2</sub> = 5kg	
55	Vàng sa khoáng Ba Hồng	Xã Liên Hiệp, huyện Bắc Quang	Nhân dân phát hiện			
56	Vàng sa khoáng Minh Thắng, Hoàng Văn Thụ, thôn Nái, thôn Me Hạ, thôn Thia, thôn Thíp	Xã Quang Minh, Võ Điểm, huyện Bắc Quang	Nhân dân phát hiện			
57	Vàng sa khoáng Lũng Cu, Thôn Minh Lập (Quang Minh)	Xã Quang Minh, huyện Bắc Quang	Liên đoàn I tìm kiếm sơ bộ năm 1992	Vài vảy đến 15 vảy/mẫu		
<b>CÁC ĐIỂM QUẶNG VÀNG PHÂN BỐ RAI RÁC</b>						
58	Vàng sa khoáng Nà Vuông	xã Yên Phong, huyện Bắc Mê	Nhân dân phát hiện			
59	Vàng gốc Pa Ou	Xã Phú Nam, huyện Bắc Mê	Nhân dân phát hiện	0,6g/tấn		
60	Vàng gốc Nà Nôm	Xã Đường Âm, huyện Bắc Mê	Nhân dân phát hiện			

PK

Số TT	Tên điểm quặng	Xã, huyện	Mức độ nghiên cứu	Hàm lượng (Au)	Trữ lượng và tài nguyên	Ghi chú
61	Vàng gốc Niêm Sơn	Xã Niêm Sơn, huyện Mèo Vạc	Nhân dân phát hiện	0,6g/tấn		
62	Vàng gốc, vàng sa khoáng Niêm Tông	Xã Niêm Tông, huyện Mèo Vạc	Nhân dân phát hiện			
63	Vàng gốc, vàng sa khoáng Bản Tại	Xã Niêm Sơn, huyện Mèo Vạc	Nhân dân phát hiện			
64	Vàng sa khoáng Nà Luông	Xã Mậu Long, huyện Yên Minh	Nhân dân phát hiện			
65	Vàng gốc Nặm Nhùng	xã Ngọc Linh, huyện Vị Xuyên	Nhân dân phát hiện			
66	Vàng sa khoáng thôn Thành Tâm,	xã Việt Hồng, huyện Bắc Quang	Nhân dân phát hiện			
67	Vàng sa khoáng và vàng gốc thôn Đồng Mừng	xã Đồng Yên, huyện Bắc Quang	Nhân dân phát hiện			
68	Vàng sa khoáng thôn Tân Điền, thôn Mãng, thôn Vãng	xã Kim Ngọc, huyện Bắc Quang	Nhân dân phát hiện			
69	Vàng sa khoáng thôn Linh,	xã Bằng Hành, huyện Bắc Quang	Nhân dân phát hiện			
70	Vàng sa khoáng thôn Đi, thôn Tân Thành II	Xã Liên Hiệp, huyện Bắc Quang	Nhân dân phát hiện			
71	Vàng sa khoáng thôn Quyết Thắng, thôn Thác	xã Bằng Hành, huyện Bắc Quang	Nhân dân phát hiện			
72	Vàng sa khoáng thôn Tả Nhùng,	xã Yên Cường, huyện Bắc Mê	Nhân dân phát hiện			
73	Vàng sa khoáng và vàng gốc thôn Bắc Hạ, thôn Chang,	xã Tân Trịch, huyện Quang Bình	Nhân dân phát hiện			
74	Vàng sa khoáng Nà Thái	xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh	Nhân dân phát hiện			
75	Vàng sa khoáng Nà Mòn, thôn Nà Luông	Xã Mậu Long, huyện Yên Minh	Nhân dân phát hiện			

ck

**Phụ lục 2:**

**DANH MỤC**

**Các mỏ, điểm mỏ vàng, Arsen chứa thiếc – vàng đã được điều tra đánh giá  
đưa vào quy hoạch thăm dò tính Hà Giang giai đoạn 2010 – 2015**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 13/ INQ-HĐND ngày 13/7/2010 của HĐND tỉnh Hà Giang)*

STT	Tên dự án	Diện tích (ha)	Mục tiêu trữ lượng (kg)	Dự kiến vốn (tỷ đồng)	Thời gian thăm dò
1	Vàng sa khoáng Bình Vàng (Sông Lô) xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên	463,6	30	2,0	4 tháng
2	Vàng sa khoáng km 25 đến km 17, huyện Vị Xuyên	107	10	1,5	4 tháng
3	Vàng sa khoáng Linh Hồ, xã Linh Hồ, huyện Vị Xuyên	11	5	1,0	5 tháng
4	Vàng sa khoáng Minh Thành, xã Bạch Ngọc, huyện Vị Xuyên	3,8	10	1,5	5 tháng
5	Vàng sa khoáng Cốc Héc, xã Trung Thành, huyện Vị Xuyên	17	5	1,0	5 tháng
6	Vàng gốc Linh Hồ, xã Linh Hồ, huyện Vị Xuyên	25	100	3,5	9 tháng
7	Arsen - thiếc - vàng Làng Má, Cao Bồ, huyện Vị Xuyên	28,4	20	2,0	9 tháng
8	Vàng gốc Bản Công, xã Trung Thành, huyện Vị Xuyên	7	50	1,5	9 tháng
9	Vàng sa khoáng Bản Công, xã Trung Thành, huyện Vị Xuyên	6	10	1	5 tháng
10	Vàng gốc Cốc Héc, xã Trung Thành, huyện Vị Xuyên	15,6	10	1	7 tháng
11	Arsen - thiếc - vàng Nậm Khi, Quảng Ngán, huyện Vị Xuyên	11	30	3,0	9 tháng
12	Vàng sa khoáng Thượng Cầu, xã Tiên Kiều, huyện Bắc Quang	52	5	1,0	5 tháng
13	Vàng sa khoáng Thôn Chàng, xã Tiên Kiều, huyện Bắc Quang	29	5	1,0	5 tháng
14	Vàng sa khoáng Làng Chang, xã Đông Tâm, huyện Bắc Quang	45	10	1,5	5 tháng
15	Vàng sa khoáng Vinh Tuy, thị trấn Vinh Tuy, huyện Bắc Quang	23	10	1,5	4 tháng
16	Vàng sa khoáng Đá Bàn, xã Hùng An, huyện Bắc Quang	22	50	2,5	5 tháng
17	Vàng sa khoáng thôn Luông, xã Bằng Hành, huyện Bắc Quang	15,7	5	1,0	5 tháng
18	Vàng sa khoáng thôn Trung, thôn Khuổi Lý (khu suối sáo), xã Thượng Bình, huyện Bắc Quang	4	5	1,0	5 tháng
19	Vàng sa khoáng Minh Tường xã Kim Ngọc, huyện Bắc Quang	12	5	1,0	5 tháng
20	Vàng sa khoáng Khuổi Do, xã Đông Tâm, huyện Bắc Quang	9	5	1,0	5 tháng
21	Vàng sa khoáng thôn Kim Diệu (phía bắc ngòi Sào thuộc xã Bằng Hành và xã Kim Ngọc, huyện Bắc Quang)	29	10	1,5	5 tháng
22	Vàng sa khoáng Lung Cu – thôn Minh Lập xã Quang Minh, huyện Bắc Quang	101,8	10	1,5	5 tháng

*Ch*

STT	Tên dự án	Diện tích (ha)	Mục tiêu trữ lượng (kg)	Dự kiến vốn (tỷ đồng)	Thời gian thăm dò
23	Vàng sa khoáng thôn Minh Thắng, Hoàng Văn Thụ, thôn Nái, xã Quang Minh; thôn Me Hạ, thôn Thía, thôn Thíp, xã Vô Điểm, huyện Bắc Quang	95,7	10	2,0	5 tháng
24	Vàng sa khoáng Ba Hồng xã Liên Hiệp huyện Bắc Quang	47,8	5	1,0	5 tháng
25	Vàng sa khoáng thôn Ba Luồng, thôn Vĩnh Sơn, thôn Vĩnh Chính xã Vĩnh Hào, huyện Bắc Quang	36	5	1,0	5 tháng
26	Vàng sa khoáng Tân Thành, xã Bằng Hành, huyện Bắc Quang	28	5	1,0	5 tháng
27	Vàng sa khoáng Khuổi Dấp, xã Đông Tâm, huyện Bắc Quang	4,5	5	1,0	5 tháng
28	Vàng sa khoáng Bắc Quang, xã Tân Quang, huyện Bắc Quang	27,3	10	2,5	5 tháng
29	Vàng sa khoáng Làng Búa, xã Đông Yên, huyện Bắc Quang	27	5	1,0	5 tháng
30	Vàng gốc Thượng Cẩu, xã Tiên Kiều, huyện Bắc Quang	43	100	3,5	9 tháng
31	Vàng gốc Làng Bút, xã Tiên Kiều, huyện Bắc Quang	101	10	1,5	9 tháng
32	Vàng gốc Hồng Thái, xã Việt Hồng, huyện Bắc Quang	29	10	1,5	9 tháng
33	Vàng gốc Ngòi Kim, xã Việt Hồng, huyện Bắc Quang	12	5	0,7	6 tháng
34	Vàng gốc thôn Lâm, xã Đông Tâm, huyện Bắc Quang	25	5	1,0	9 tháng
35	Vàng gốc Minh Tường, xã Kim Ngọc, huyện Bắc Quang	15	5	1,5	9 tháng
36	Vàng gốc Thác Lan, xã Tiên Kiều, huyện Bắc Quang	12	10	2,5	9 tháng
37	Vàng gốc thôn Pha, xã Đông Tâm, huyện Bắc Quang	33	5	1,0	9 tháng
38	Vàng sa khoáng Yên Bình, xã Yên Bình, huyện Quang Bình	26	5	1,0	5 tháng
39	Vàng gốc thôn Nghè - Sơn Đông, xã Hương Sơn, huyện Quang Bình	119	10	1,5	5 tháng
40	Vàng gốc thôn Khun, xã Bằng Lăng, huyện Quang Bình	37	10	1,5	5 tháng
41	Vàng sa khoáng Năm Tay, xã Yên Bình, huyện Quang Bình	32	5	1,0	5 tháng
42	Vàng sa khoáng Bản Kùn, xã Xuân Giang, huyện Quang Bình	29	5	1,0	5 tháng
43	Vàng sa khoáng Nà Luồng, xã Mậu Long, huyện Yên Minh	4	5	1,0	5 tháng
44	Vàng gốc, vàng sa khoáng Bản Tái, xã Niêm Sơn, huyện Mèo Vạc	27	5	1,0	5 tháng
45	Vàng gốc, vàng sa khoáng xã Niêm Tông, huyện Mèo Vạc	8,8	5	1,0	5 tháng
46	Vàng gốc Niêm Sơn, xã Niêm Sơn, huyện Mèo Vạc	9	5	1,0	9 tháng
47	Vàng sa khoáng Nà Vương, xã Yên Phong, huyện Bắc Mê	4,4	5	0,5	5 tháng
48	Vàng gốc Nà Nôm, xã Đường Âm, huyện Bắc Mê	10,5	20	1	5 tháng
	<b>Cộng</b>	<b>1079,1</b>	<b>675</b>	<b>66,7</b>	

**Phụ lục 3:**

**DANH MỤC**

**Quy hoạch khai thác các mỏ, điểm mỏ vàng trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2010 - 2015**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 17 /NQ - HĐND, ngày 13 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

STT	Tên dự án	Xã, huyện	Diện tích (ha)	Trữ lượng dự kiến (kg)	Phương pháp khai thác	Giai đoạn 2010-2015						
						Sản lượng khai thác (kg)	Vốn (tỷ đồng)	Đất Nông nghiệp (ha)	Đất rừng (ha)	Đất trồng, lòng sông suối (ha)	Đất thổ cư (ha)	Hộ dân bị ảnh hưởng (hộ)
<b>ĐỐI VÀNG SÔNG CON</b>												
1	Vàng gốc Thôn Khun	Xã Bằng Lang, huyện Quang Bình	37	10	Hầm lò Lộ thiên	10	1	4,91	28,31	3,19	0,59	3
2	Vàng gốc Thôn Nghè - Sơn Đông	Xã Hương Sơn, huyện Quang Bình	119	10	Hầm lò Lộ thiên	10	1	82,3	20,1	7,5	9,1	21
3	Vàng gốc Hồng Thái	Xã Việt Hồng, huyện Bắc Quang	29	10	Hầm lò Lộ thiên	10	1	1,8	14,3	12,2	0,7	3
4	Vàng gốc Ngòi Kim	Xã Tiên Kiêu, huyện Bắc Quang	12	3	Hầm lò Lộ thiên	3	0,5	5,1	6,2	0,4	0,3	2
5	Vàng gốc Thượng Cầu	Xã Tiên Kiêu, huyện Bắc Quang	43	100	Hầm lò Lộ thiên	100	5	2,9	39,92	0,1	0,08	3
6	Vàng sa khoáng Suối Bông	Xã Tiên Kiêu, huyện Bắc Quang	70	5,5	Lộ thiên	5,5	0,5	12,3	54,6	1,5	1,6	6
7	Vàng sa khoáng Thôn Chàng	Xã Tiên Kiêu, huyện Bắc Quang	29	5	Lộ thiên	5	0,5	7	1,2	1,1	19,7	7
8	Vàng Sa khoáng Thượng Cầu	xã Tiên Kiêu, huyện Bắc Quang	52	5	Lộ thiên	5	0,5	4,1	34,2	11,2	2,5	4
9	Vàng gốc Làng Bút	Xã Tiên Kiêu, huyện Bắc Quang	101	10	Hầm lò Lộ thiên	10	1,5	25,5	56,8	13,1	5,6	8
10	Vàng gốc Thác Lan	Xã Tiên Kiêu, huyện Bắc Quang	12	10	Hầm lò Lộ thiên	10	1	0	11,8	0,2	0	0
11	Vàng sa khoáng Thác Lan, (thôn Tiên Kiêu)	Xã Tiên Kiêu, huyện Bắc Quang	18	26,4	Lộ thiên	26,4	2	9,8	3	5	0,2	1
12	Vàng sa khoáng Làng Cáo	xã Tiên Kiêu, huyện Bắc Quang	178	382,9	Lộ thiên	382,9	10	120,4	0	47,6	10	0
13	Vàng sa khoáng Thôn Kim (Đội 8)	Xã Tiên Kiêu, huyện Bắc Quang	29	157	Lộ thiên	157	5	1,1	15	12	0,9	
14	Vàng sa khoáng Vĩnh Tuy	TT Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang	23	10	Tàu Quốc	10	1	0,6	0	22,4	0	0

CAP

STT	Tên dự án	Xã, huyện	Diện tích (ha)	Trữ lượng dự kiến (kg)	Phương pháp khai thác	Giai đoạn 2010-2015						
						Sản lượng khai thác (kg)	Vốn (tỷ đồng)	Đất Nông nghiệp (ha)	Đất rừng (ha)	Đất trồng, lòng sông suối (ha)	Đất thổ cư (ha)	Hộ dân bị ảnh hưởng (hộ)
<b>ĐỐI VÀNG, ARSEN CHỨA THIẾT VÀNG SÔNG LỘ</b>												
15	Vàng gốc Linh Hồ	Xã Linh Hồ, huyện Vị Xuyên	25	100	Hầm lò	100	2,5	0	25	0	0	0
16	Vàng sa khoáng Cốc Héc	xã Trung Thành, huyện Vị Xuyên	17	5	Lộ thiên	5	0,5	2,4	13	0,7	0,9	0
17	Vàng gốc Cốc Héc	xã Trung Thành, huyện Vị Xuyên	15,6	10	Hầm lò	10	1	0	15,6	0	0	0
18	Vàng gốc Bản Công	xã Trung Thành, huyện Vị Xuyên	7	50	Hầm lò	50	1,5	0	7	0	0	0
19	Vàng sa khoáng Bản Công	xã Trung Thành, huyện Vị Xuyên	6	10	Lộ thiên	10	1	0	6	0	0	0
20	Vàng sa khoáng Khuổi Do	Xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang	9	5	Lộ thiên	5	5	2,5	0,4	1,2	4,9	4
21	Vàng gốc Thôn Lâm	Xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang	25	5	Hầm lò Lộ thiên	5	0,5	2,7	19,4	0,6	2,3	2
22	Vàng gốc Thôn Pha	Xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang	33	5	Hầm lò Lộ thiên	5		17,7	5,4	1,9	8	2
23	Vàng sa khoáng Khuổi Dấp	xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang	4,5	5	Lộ thiên	5	0,5	0	4,5	0	0	0
24	Vàng sa khoáng thôn mung, thôn Khuổi Lý	Xã Thượng Bình, huyện Bắc Quang	4	5	Lộ thiên	5		3	0,2	0,3	0,5	0
25	Vàng sa khoáng Làng Chang	Xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang	45	10	Lộ thiên	10	10	10,8	31,5	1,1	1,6	4
<b>ĐỐI VÀNG NGÔI SÀO</b>												
26	Vàng gốc Minh Tường	Xã Kim Ngọc, huyện Bắc Quang	15	5	Hầm lò	5	0,6	0	15	0	0	0
<b>CÁC ĐIỂM QUẶNG VÀNG NÀM RÀI RÁC</b>												
27	Vàng gốc Niêm Sơn	Xã Niêm Sơn huyện Mèo Vạc	9	5	Hầm lò	5	0,6	3	0	1,2	0,8	4
28	Vàng gốc, vàng sa khoáng Niêm Tông	Xã Niêm Tông, huyện Mèo Vạc	8,8	5	Lộ thiên	5	0,5	0,2	0	7,4	0,2	1
29	Vàng gốc, vàng sa khoáng Bản Tại	Xã Niêm Sơn, huyện Mèo Vạc	27	5	Lộ thiên	5	0,5	2,4	9	6,6	2	7
30	Vàng gốc Nà Nôm	xã Đường Âm, huyện Bắc Mê	10,5	20	Hầm lò	20	1,5	0	10,5	0	0	0
<b>Cộng</b>			<b>1013,4</b>	<b>994,8</b>		<b>994,8</b>	<b>56,7</b>	<b>322,51</b>	<b>447,93</b>	<b>158,49</b>	<b>72,47</b>	<b>82</b>

OK

**Phụ lục 3.1:**

**DANH MỤC**

**Qui hoạch khai thác các mỏ, điểm mỏ vàng trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2015 - 2020, có xét đến 2025**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 18/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

STT	Tên dự án	Xã, huyện	Diện tích (ha)	Giai đoạn 2015 đến 2020							Giai đoạn 2020 đến 2025						
				Diện tích khai thác (ha)	Sản lượng khai thác (kg)	Vốn (tỷ đồng)	Đất Nông nghiệp (ha)	đất rừng (ha)	Đất trồng, lồng sông suối (ha)	Đất khác (ha)	Diện tích khai thác (ha)	Sản lượng khai thác (kg)	Vốn (tỷ đồng)	Đất Nông nghiệp (ha)	đất rừng (ha)	Đất trồng, lồng sông suối (ha)	Đất khác (ha)
<b>ĐỐI VÀNG SÔNG CON</b>																	
1	Vàng sa khoáng Yên Bình	Xã Yên Bình, huyện Quang Bình	28	28	5	0,6		8,50	8,20				8,80			0,5	3
2	Vàng sa khoáng Nậm Tày	xã Yên Bình, huyện Quang Bình	32	11,64	3	0,6		0,34	11,3		20,4	2	0,6	19,1		1,27	6
3	Vàng sa khoáng Bản Kùn	Xã Xuân Giang, huyện Quang Bình	29	5,7	2	0,4		3,3	2,4		23,3	3	0,7	19		4,3	15
4	Vàng sa khoáng Đá Bàn	Xã Hùng An, huyện Bắc Quang	22	9,2	30	2,5		1,4	7,8		12,8	20	3	11,4		1,4	4
5	Vàng sa khoáng Ba Luông, Vĩnh Sơn, Vĩnh Chính	Xã Vĩnh Hảo, huyện Bắc Quang	42	16,6	3	0,6		1,2	15,4		19,4	2	0,8	15,4		4	2
6	Vàng sa khoáng Làng Búa	Xã Đồng Yên, huyện Bắc Quang	27	2,3	2	0,4		0,6	1,7		24,7	3	0,8	16,8		7,9	0
<b>ĐỐI VÀNG, ARSEN CHỨA THIẾC VÀNG SÔNG LỎ</b>																	
7	Arsen-thiếc-vàng Làng Má	Xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên	27	24,4	15	2		23,5	0,9		4	5	1	2,6		1,4	
8	Vàng sa khoáng Linh Hồ	Xã Linh Hồ, huyện Vị Xuyên	11	2,7	2	0,6		1,6	1,1		8,3	3	0,8	6,4		1,9	0
9	Arsen-thiếc-vàng Nậm Khi	xã Quảng Ngần, huyện Vị Xuyên	11	9,8	20	2		9,8	0		1,2	10	1	1,2		0	0

*CP*

STT	Tên dự án	Xã, huyện	Diện tích (ha)	Giai đoạn 2015 đến 2020						Giai đoạn 2020 đến 2025								
				Diện tích khai thác (ha)	Sản lượng khai thác (kg)	Vốn (tỷ đồng)	Đất Nông nghiệp (ha)	đất rừng (ha)	Đất trồng, lòng sông suối (ha)	Đất khác (ha)	Diện tích khai thác (ha)	Sản lượng khai thác (kg)	Vốn (tỷ đồng)	Đất Nông nghiệp (ha)	đất rừng (ha)	Đất trồng, lòng sông suối (ha)	Đất khác (ha)	Hộ dân bị ảnh hưởng (hộ)
10	Vàng sa khoáng Minh Thành	Xã Bạch Ngọc, huyện Vị Xuyên	3,8	2,9	8	0,8		2,9	0		0,9	2	0,6	0,8			0,1	4
11	Vàng sa khoáng Bình Vàng, dọc thung lũng Sông Lô	Xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên	463,6	143,0	15	1,5		8,9	134,1		320,6	15	1,5	236,8			83,8	0
12	Vàng sa khoáng Km 17 đến km 25	TT Việt Lâm, xã Ngọc Linh, TT Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên	17	103,1	5	0,5		3,2	99,9		3,9	5	0,5	2,5			1,4	3
13	Vàng sa khoáng Bắc Quang	TT Bắc Quang cũ, xã Tân Quang, huyện Bắc Quang	107	7,1	5	0,8		0	7,1		20,2	5	1	18,9			1,3	13
<b>ĐỢT VÀNG NGỒI SÀO</b>																		
14	Vàng sa khoáng thôn Luông	Xã Bằng Hành, huyện Bắc Quang	15,3	4,4	2	0,4		0	4,4		10,9	3	0,8	7,5			3,4	0
15	Vàng sa khoáng Tân Thành	Xã Bằng Hành, huyện Bắc Quang	28	4,2	1,5	0,4		0	4,2		23,8	3,5	1	18,7			5,1	15
16	Vàng sa khoáng Minh Tường	Xã Kim Ngọc, huyện Bắc Quang	12	10,3	3,5	0,6		0,7	9,6		1,7	1,5	0,7	1,7				2
17	Vàng sa khoáng Thôn Kim Điều (phía bắc ngòi Sào)	xã Kim Ngọc, xã Bằng Hành, huyện Bắc Quang	29	8,1	5	0,6		1	7,1		21,1	5	0,8	17,5			3,6	
18	Vàng sa khoáng Ba Hồng	Xã Liên Hiệp, huyện Bắc Quang	48	3	1,5	0,3		0,3	2,7		44,8	3,5	0,8	39,8			5	1
19	Vàng sa khoáng Minh Thắng, Hoàng Văn Thụ, thôn Nái, thôn Me Hạ, thôn Thìa, thôn Thúp	Xã Quang Minh, Võ Diên, huyện Bắc Quang	95,7	60,5	5,0	0,6		31,4	29,1		35,2	5	0,8	24,3			10,9	3

02



STT	Tên dự án	Xã, huyện	Diện tích (ha)	Giai đoạn 2015 đến 2020							Giai đoạn 2020 đến 2025							
				Diện tích khai thác (ha)	Sản lượng khai thác (kg)	Vốn (tỷ đồng)	Đất Nông nghiệp (ha)	Đất rừng (ha)	Đất trồng, lồng sông suối (ha)	Đất khác (ha)	Diện tích khai thác (ha)	Sản lượng khai thác (kg)	Vốn (tỷ đồng)	Đất Nông nghiệp (ha)	Đất rừng (ha)	Đất trồng, lồng sông suối (ha)	Đất khác (ha)	Hộ dân bị ảnh hưởng (hộ)
20	Vàng sa khoáng Lũng Cu, Thôn Minh Lập (Quang Minh)	Xã Quang Minh, huyện Bắc Quang	101,8	26,9	4	0,4		10,5	16,4		74,9	6	0,8	58,6			16,3	3
<b>CÁC ĐIỂM QUẶNG VÀNG NĂM RẢI RÁC</b>																		
21	Vàng sa khoáng Nà Luông	Xã Mậu Long, huyện Yên Minh	4	4	5	0,6		2,7	1,3				0			0	0	
22	Vàng sa khoáng Nà Vuông	xã Yên Phong, Bắc Mê	4,4	2,8	3	0,5		0,3	2,5		1,6	2	0,5	1,4			0,2	
<b>Cộng</b>			1.158,6	490,6	145,5	17,7	-	112,1	367,2	-	673,7	104,5	18,5	529,2	-	-	153,8	74,0

CP

**Phụ lục 4:**

**DANH MỤC**

**Chế biến quặng vàng tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 17 /NQ-HĐND ngày 13/7/2010 của HĐND tỉnh Hà Giang)

1. Các mỏ và điểm mỏ vàng nằm trong đới arsen chứa thiếc –vàng Sông Lô, các mỏ nằm trong đới Ngòi Sào và các mỏ và điểm mỏ nằm trong khu vực Vị Xuyên và Bắc Quang, sau khi khai thác được tập trung về khu công nghiệp Bình Vàng tuyển – luyện.

Số TT	Tên dự án	Đầu tư mới 2010- 2015		Đầu tư mở rộng 2015- 2025	
		Sản lượng	Tỷ đồng VN	Sản lượng	Tỷ đồng VN
1	Dây tuyển tuyển – luyện vàng và thu hồi thiếc - arsen	210	200	165	200

2. Các mỏ, điểm mỏ vàng nằm trong đới Sông Con và một số điểm mỏ thuộc khu vực Bắc Quang, sau khi khai thác được tập trung về cụm công nghiệp Nam Quang tuyển – luyện.

Số TT	Tên dự án	Đầu tư mới 2010- 2015		Đầu tư mở rộng 2015- 2025	
		Sản lượng	Tỷ đồng VN	Sản lượng	Tỷ đồng VN
1	Dây tuyển tuyển – luyện vàng	754,8	300	50	25

3. Các mỏ và điểm mỏ vàng nằm trong đới Sông Con thuộc khu vực huyện Quang Bình sau khi khai thác được tập trung về cụm công nghiệp Yên Bình để tuyển – luyện.

Số TT	Tên dự án	Đầu tư mới 2010- 2015		Đầu tư mở rộng 2015- 2025	
		Sản lượng	Tỷ đồng VN	Sản lượng	Tỷ đồng VN
1	Dây tuyển tuyển – luyện vàng	20	10	25	20

4. Các mỏ và điểm mỏ vàng nằm trong khu vực huyện Mèo Vạc, huyện Yên Minh sau khi khai thác được tập trung về cụm công nghiệp Mậu Duệ để tuyển – luyện.

Số TT	Tên dự án	Đầu tư mới 2010- 2015		Đầu tư mở rộng 2015- 2025	
		Sản lượng	Tỷ đồng VN	Sản lượng	Tỷ đồng VN
1	Dây tuyển tuyển – luyện vàng	15	15	0	0

5. Các mỏ và điểm mỏ vàng nằm trong khu vực huyện Bắc Mê sau khi khai thác được tập trung về cụm công nghiệp Yên Định để tuyển – luyện.

Số TT	Tên dự án	Đầu tư mới 2010- 2015		Đầu tư mới 2015- 2025	
		Sản lượng	Tỷ đồng VN	Sản lượng	Tỷ đồng VN
1	Dây tuyển tuyển – luyện vàng	20	0	10	5